

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT
Ngày 01/3/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số: 14/2018/DSST, ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐ-PT ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Công H, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Kim Thoa, ông Nguyễn Thế Hải, bà Nguyễn Thị Tươi - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH một thành viên QTC, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Văn H1, sinh năm 1963 và chị Lê Thị T, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh Phương - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Anh Phương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Lê Đình A, sinh năm 1960 và vợ là chị Trần Thị C, sinh năm 1962;

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

Người kháng cáo: Anh Lưu Văn H1; chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Lê Công H trình bày: Ngày 16/11/2016 âm lịch anh có cho vợ chồng anh Lưu Văn H1, chị Lê Thị T vay số tiền 100 triệu đồng. Khi vay có viết giấy biên nhận, lãi suất là 1,5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Sau khi cho vợ chồng anh chị T, H1 vay anh đã đòi nhiều lần nhưng anh H1, chị T không trả anh tiền. Do vậy, anh đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng anh H1, chị T trả anh số tiền 100 triệu đồng nợ gốc và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 12/12/2017 âm lịch cho đến phiên tòa sơ thẩm là 12.000.000đ. Anh không đồng ý với đề nghị của bị đơn xin trả dần nợ gốc và không phải trả lãi.

Bị đơn là chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1 trình bày: Anh chị thừa nhận có vay của anh Lê Công H 100 triệu đồng với lãi suất là 1,5%/tháng. Do làm ăn gặp khó khăn anh, chị xin trả số nợ gốc dần và không phải trả lãi, thời hạn trả gốc kể từ tháng 2/2019 âm lịch. Tại phiên tòa sơ thẩm anh, chị cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn khởi kiện chưa thông báo cho anh, chị biết; nên nguyên đơn không có quyền khởi kiện, anh chị không phải chịu tiền án phí.

Anh, chị không nhất trí với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh vì ngày 09/7/2018, tại Văn phòng công chứng Hoàng Tình, vợ chồng chị đã chuyển nhượng hợp pháp thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh chị cho vợ chồng anh Lê Đình A và chị Trần Thị C. Anh, chị đã nhận tiền, giao giấy chứng nhận và nhà đất cho anh An, chị Cạn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đình A và chị Trần Thị C trình bày: Ngày 09/7/2018, anh chị đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m² của anh H1, chị T. Thửa đất được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lưu Văn H1 và chị Lê Thị T cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên đất của anh H1, chị T. Ngày 27/07/2018 anh chị đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện G làm thủ tục chuyển tên người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thì được biết thửa đất trên đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nay anh, chị đề nghị Tòa án xem xét không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản. Vì tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng anh, chị theo quy định của pháp luật từ khi anh, chị nhận chuyển nhượng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Công H 100 triệu đồng tiền vay và 12.000.000đ đồng tiền lãi. Tổng cộng là 112 triệu đồng.

Trả cho anh Lê Công H 01 sổ tiết kiệm số 000.1147.3577 ngày 26/7/2018, của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G, tỉnh Bắc Ninh

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2018, anh Lưu Văn H1, chị Lê Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay Lê Công H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lưu Văn H1, chị Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông H chưa bị xâm phạm, theo giấy vay tiền thì hai bên chỉ thỏa thuận lãi chứ không thỏa thuận thời hạn trả, do vậy là chưa đến thời hạn trả nợ. Theo quy định của pháp luật thì hợp đồng vay không thỏa thuận thời hạn thì anh H phải thông báo trước cho vợ chồng anh H1, chị T nhưng trong hồ sơ chưa thể hiện anh H đã thông báo cho anh H1, do đó chưa đủ điều kiện khởi kiện. Luật sư cho rằng anh H1, chị T vay thì phải trả, tuy nhiên hiện nay vợ chồng anh H1, chị T gặp khó khăn nên anh chị đề nghị được trả dần.

Việc Tòa án nhân dân huyện G thụ lý và xét xử vụ án là trái quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Anh H1, chị T nhất trí với luận cứ bảo vệ của luật sư, không tham gia tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm cho rằng bản án sơ thẩm xét xử là đúng quy định của pháp luật, phía bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Căn cứ vào Điều 469 Bộ luật Dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện bất cứ lúc nào và nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn từ tháng 4/2018 nhưng đến tháng 6 mới khởi kiện và từ tháng 12/2017 bị đơn không trả lãi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không tham gia tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn giữ nguyên quan điểm cho rằng nguyên đơn chưa thông báo cho bị đơn nên điều luật do luật sư của nguyên đơn viện dẫn là không hợp lý; Đối với lập luận của luật sư nguyên đơn về việc gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn cho rằng chưa nhận được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các đương sự không tham gia tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lưu Văn H1, chị Lê Thị T, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng: Ngày 12/02/2019, anh Lê Công H ủy quyền cho ông Lưu Văn Mạo và anh Nguyễn Văn Phương tham gia tố tụng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Mạo và anh Phương vắng mặt, anh H từ chối ủy quyền và trực tiếp tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 16/11/2016 âm lịch, anh Lê Công H có cho vợ chồng anh Lưu Văn H1 và chị Lê Thị T vay số tiền 100.000.000đ. Khi vay giữa hai bên có viết giấy biên nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không thỏa thuận thời hạn trả. Trong quá trình vay mặc dù anh H đã đòi vợ chồng anh H1, chị T nhiều lần nhưng vẫn không trả. Do vậy, anh H đã khởi kiện ra Tòa án và Tòa án sơ thẩm đã xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Công H.

Xét kháng cáo của chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xử buộc chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Công H số tiền 100.000.000đ và lãi suất là có căn cứ pháp luật, bởi chị T, anh H1 đều thừa nhận có vay của anh H số tiền 100.000.000đ từ ngày 16/11/2016 âm lịch. Phía bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện không thông báo trước cho bị đơn một thời gian vì trong hợp đồng vay không thời hạn, nhưng anh H cho rằng từ tháng 4/2018 anh đã đòi bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không trả nên mới khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận trong tháng 6/2018 đã đến gặp anh H để khất nợ. Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận việc vay và trả lãi lần cuối vào ngày 11/12/2017 và từ đó chị T, anh H1 không trả gốc và lãi. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 12/12/2017. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, kháng cáo của chị T, anh H1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Trong vụ án này cấp sơ thẩm có thiếu sót đó là quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là một quyết định độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định trong bản án và tuyên trả sở tiết kiệm cho người đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng và khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không yêu cầu người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nộp tiền vào tài khoản phong tỏa. Do đó cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Anh Lưu Văn H1, chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Công H 100.000.000đ tiền vay và 12.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 112 triệu đồng (Một trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Chị Lê Thị T và anh Lưu Văn H1 phải chịu 5.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm và mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H1, chị T mỗi người đã nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001436 và 0001437 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trả cho anh Lê Công H 2.650.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001359 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính